| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**TỈNH H** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 86/2024/QĐST- HNGĐ | *K, ngày 16 tháng 07 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST–HNGĐ, ngày 25/04/2024 về việc xin ly hôn, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 2001. Nơi đăng ký HKTT: Thôn T1, thị trấn K, huyện K, tỉnh H. Hiện ở tại: Thôn L, xã V1, huyện K, tỉnh H.

**2. Bị đơn:** Anh Vũ Công T - sinh năm 1996. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn T1, thị trấn K, huyện K, tỉnh H

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Cháu Vũ Kiều Tường V, sinh ngày 08/11/2018. Người giám hộ cho cháu V là chị Nguyễn Thị H1 và anh Vũ Công T– bố mẹ đẻ của cháu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu V là Luật sư Đào Văn H2 – Cộng tác viên Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 07 năm 2024.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/07/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 và bị đơn anh Vũ Công T**.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***2.1. Về con chung:*** Giao cháu Vũ Kiều Tường V, sinh ngày 08/11/2018 cho chị H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1, anh T không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

***2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:*** Chị H1 và anh T không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

***2.3. Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được anh T nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0001229, ngày 25/04/2024, nên chị H1 được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K;*
- *UBND thị trấn K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ THU H3**